

CÔNG ƯỚC

VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

(Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 13/3/2007)

Lời nói đầu

Các quốc gia thành viên Công ước này,

a. Nhắc lại các nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp Quốc trong đó thừa nhận phẩm giá vốn có, cũng như các quyền bình đẳng bất di bất dịch của mọi thành viên gia đình nhân loại là nền tảng của tự do, công lý và hòa bình trên thế giới,

b. Thừa nhận rằng Liên Hợp Quốc, trong Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người và trong các Công ước quốc tế về quyền con người năm 1966, đã thống nhất tuyên bố rằng mọi người đều có các quyền và tự do mà các công ước đó bảo vệ, không có sự phân biệt dưới bất kỳ hình thức nào,

c. Khẳng định một lần nữa rằng các quyền và tự do cơ bản của con người có tính phổ quát, nằm trong một chỉnh thể thống nhất, phụ thuộc lẫn nhau và liên quan lẫn nhau, và rằng cần bảo đảm cho người khuyết tật được hưởng đầy đủ các quyền này mà không có sự phân biệt nào,

d. Nhắc lại Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị, Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc, Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ, Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo và hạ thấp nhân phẩm, Công ước về quyền trẻ em, và Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của người lao động di trú và các thành viên gia đình họ,

e. Thừa nhận rằng sự khuyết tật là một khái niệm luôn tiến triển và sự khuyết tật xuất phát từ sự tương tác giữa người có khuyết tật với những rào cản về môi trường và thái độ, những rào cản này phương hại đến sự tham gia đầy đủ và hữu hiệu của họ vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác,

f. Thừa nhận tầm quan trọng của các nguyên tắc và định hướng chính sách được ghi nhận tại Chương trình hành động thế giới về người khuyết tật và các Quy tắc tiêu chuẩn về bình đẳng hóa cơ hội cho người khuyết tật trong tác động đối với việc khuyến khích, xây dựng và đánh giá chính sách, kế hoạch, chương trình hành động ở các cấp quốc gia, khu vực và quốc tế nhằm mục đích tăng cường bình đẳng hóa cơ hội cho người khuyết tật,

g. Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đưa các vấn đề về người khuyết tật trở thành một bộ phận của các chiến lược phát triển bền vững liên quan,

h. Đồng thời thừa nhận rằng phân biệt đối xử chống lại bất kỳ người nào trên cơ sở sự khuyết tật là vi phạm phẩm giá vốn có của con người,

i. Thừa nhận sự đa dạng của người khuyết tật,

j. Thừa nhận nhu cầu tăng cường và bảo vệ quyền của mọi người khuyết tật, trong đó có những người cần được giúp đỡ nhiều hơn,

k. Lo ngại rằng, bất chấp nhiều cam kết và văn kiện nêu trên, người khuyết tật tiếp tục phải đối mặt với những rào cản đối với tư cách thành viên bình đẳng trong khi tham gia xã hội và những vi phạm quyền con người của họ ở khắp nơi trên thế giới,

l. Thừa nhận tầm quan trọng của hợp tác quốc tế nhằm cải thiện điều kiện sống của người khuyết tật ở mọi quốc gia, đặc biệt là ở những quốc gia đang phát triển,

m. Thừa nhận rằng người khuyết tật đang và sẽ đóng góp đáng kể cho phúc lợi chung và sự đa dạng của cộng đồng quanh họ, và thừa nhận rằng người khuyết tật càng hưởng trọn vẹn các quyền và tự do cơ bản của con người và càng tham gia hoàn toàn vào xã hội thì họ càng có ý thức gắn bó, điều đó mang lại tiến bộ đáng kể cho sự phát triển xã hội về các mặt kinh tế, xã hội và nhân văn, cũng như cho công cuộc xoá đói giảm nghèo,

n. Thừa nhận rằng đối với người khuyết tật, tự lực cánh sinh, trong đó có tự do lựa chọn, là hết sức quan trọng,

o. Xét rằng người khuyết tật cần có cơ hội tham gia vào quá trình quyết định chính sách và chương trình, trong đó có những chương trình, chính sách trực tiếp liên quan đến họ,

p. Lo ngại về việc người khuyết tật phải đối mặt với những điều kiện khó khăn khi bị phân biệt đối xử dưới nhiều hình thức hoặc dưới những hình thức nghiêm trọng, trên cơ sở chủng tộc, màu da, sắc tộc, nguồn gốc dân tộc, sắc tộc, bản xứ hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân, độ tuổi tác hoặc địa vị khác,

q. Thừa nhận rằng phụ nữ và trẻ em khuyết tật thường dễ bị bạo hành, thương tổn hoặc lạm dụng, bị đối xử vô trách nhiệm hoặc bất cần, ngược đãi hay bóc lột,

r. Thừa nhận rằng trẻ em khuyết tật cần được hưởng đầy đủ các quyền và tự do cơ bản của con người một cách bình đẳng với các trẻ em khác, và nhắc lại các nghĩa vụ liên quan đến việc này của các quốc gia thành viên Công ước về Quyền trẻ em,

s. Nhấn mạnh yêu cầu đưa quan điểm về giới vào mọi nỗ lực tăng cường việc người khuyết tật được hưởng trọn vẹn các quyền và tự do cơ bản của con người,

t. Nhấn mạnh rằng đa số người khuyết tật sống trong nghèo khó, do vậy thừa nhận rằng hết sức cần thiết phải giải quyết tác động tiêu cực của nghèo đói đối với tình trạng của người khuyết tật,

u. Ghi nhớ rằng hòa bình và an ninh trên cơ sở tôn trọng mục đích và các nguyên tắc được ghi nhận trong Hiến chương Liên Hợp Quốc và tôn trọng các văn kiện hiện hành về quyền con người là không thể thiếu trong việc bảo vệ người khuyết tật một cách trọn vẹn, đặc biệt là trong bối cảnh chiến tranh hoặc tình trạng chiếm đóng nước ngoài,

v. Thừa nhận tầm quan trọng của việc tiếp cận với môi trường thể chất, xã hội, kinh tế và văn hóa, với y tế, giáo dục và thông tin liên lạc trong việc giúp người khuyết tật hưởng đầy đủ các quyền và tự do cơ bản của con người,

w. Công nhận rằng mỗi cá nhân có trách nhiệm với những cá nhân khác và với toàn thể cộng đồng của mình, do vậy có trách nhiệm đấu tranh cho sự thúc đẩy và tuân thủ các quyền đã được thừa nhận trong các văn kiện cơ bản về quyền con người.

x. Tin tưởng rằng gia đình là đơn vị cơ bản và tự nhiên của xã hội, được xã hội và nhà nước bảo vệ, người khuyết tật và thành viên gia đình họ cần được nhận sự bảo vệ và giúp đỡ cần thiết để các gia đình có thể giúp người khuyết tật hưởng đầy đủ và bình đẳng các quyền của mình.

y. Tin tưởng rằng một công ước quốc tế toàn diện và tổng thể nhằm thúc đẩy và bảo vệ các quyền và phẩm giá của người khuyết tật sẽ cống hiến đáng kể vào việc bù đắp sự thiệt thòi sâu sắc của người khuyết tật và thúc đẩy sự tham gia của họ vào môi trường văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và dân sự với cơ hội bình đẳng, ở các quốc gia phát triển cũng như đang phát triển,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1- Mục đích

Mục đích của Công ước này là thúc đẩy, bảo vệ và bảo đảm cho người khuyết tật được hưởng một cách bình đẳng và đầy đủ tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người, và thúc đẩy sự tôn trọng phẩm giá vốn có của họ.

Người khuyết tật bao gồm những người có khiếm khuyết lâu dài về thể chất, tâm thần, trí tuệ hoặc giác quan mà khi tương tác với những rào cản khác nhau có thể phương hại đến sự tham gia hữu hiệu và trọn vẹn của họ vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác.

Điều 2- Định nghĩa

Trong Công ước này:

“Giao tiếp” bao gồm ngôn ngữ, văn bản, chữ Braille, giao tiếp bằng xúc giác, chữ khổ lớn, các phương tiện truyền thông dễ tiếp cận cũng như ngôn ngữ viết, nghe-nói, ngôn ngữ tối giản, đọc tiếng người và các cách thức, phương tiện và dạng giao tiếp tăng cường hoặc thay thế, kể cả công nghệ thông tin liên lạc dễ tiếp cận;

“Ngôn ngữ” bao gồm ngôn ngữ nói, ký hiệu và các dạng ngôn ngữ không lời khác;

“Phân biệt đối xử trên cơ sở sự khuyết tật” có nghĩa là mọi sự phân biệt, loại trừ hoặc hạn chế trên cơ sở sự khuyết tật có mục đích hoặc ảnh hưởng gây tổn hại hoặc vô hiệu hóa sự công nhận, thụ hưởng hoặc thực hiện các quyền và tự do cơ bản của con người trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự hoặc bất kỳ lĩnh vực nào khác. Nó bao gồm mọi hình thức phân biệt đối xử, trong đó có từ chối tạo điều kiện hợp lý;

“Tạo điều kiện hợp lý” có nghĩa là sự thay đổi hoặc chỉnh sửa không gây ra gánh nặng không tương xứng hoặc quá đáng, khi điều đó là cần thiết trong một trường hợp cụ thể, để bảo đảm cho người khuyết tật hưởng hoặc thực hiện các quyền và tự do cơ bản của con người trên cơ sở bình đẳng với những người khác;

“Thiết kế phổ dụng” có nghĩa là thiết kế sản phẩm, môi trường, chương trình và dịch vụ để mọi người đều có thể sử dụng tới mức tối đa mà không cần cải tạo lại hoặc thiết kế chuyên biệt. “Thiết kế phổ dụng” không loại trừ những thiết bị hỗ trợ cho các nhóm người khuyết tật cụ thể khi cần thiết.

Điều 3- Nguyên tắc chung

Các nguyên tắc của Công ước này là:

- a. Tôn trọng nhân phẩm vốn có, quyền tự chủ của cá nhân, trong đó có tự do lựa chọn, và tôn trọng sự độc lập của cá nhân;
- b. Không phân biệt đối xử;
- c. Tham gia và hòa nhập trọn vẹn và hữu hiệu vào xã hội;
- d. Tôn trọng sự khác biệt và chấp nhận người khuyết tật là bộ phận của nhân loại có tính đa dạng;
- e. Bình đẳng về cơ hội;

f. Dễ tiếp cận;

g. Bình đẳng giữa nam và nữ;

h. Tôn trọng khả năng phát triển của trẻ em khuyết tật và tôn trọng quyền của trẻ em khuyết tật được giữ gìn bản sắc của mình.

Điều 4- Nghĩa vụ chung

1. Các quốc gia thành viên cam kết bảo đảm và thúc đẩy việc biến các quyền và tự do cơ bản của con người thành hiện thực đối với mọi người khuyết tật mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào trên cơ sở sự khuyết tật. Nhằm mục đích này, các quốc gia thành viên cam kết:

a. Thông qua các biện pháp lập pháp, hành pháp hoặc các biện pháp khác để thi hành các quyền được thừa nhận trong Công ước này;

b. Tiến hành mọi biện pháp thích hợp, trong đó có lập pháp, để sửa đổi hoặc hủy bỏ các luật, quy định, tập quán và thông lệ hiện hành có tính chất phân biệt đối xử đối với người khuyết tật;

c. Cân nhắc việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người của người khuyết tật trong tất cả các chính sách và chương trình;

d. Không có bất kỳ hành vi hoặc thực tiễn nào trái với Công ước này và bảo đảm rằng mọi thể chế và cơ quan công quyền hành xử phù hợp với Công ước này;

e. Sử dụng mọi biện pháp thích hợp để xoá bỏ phân biệt đối xử trên cơ sở sự khuyết tật do bất kỳ cá nhân, tổ chức hoặc công ty tư nào tiến hành;

f. Tiến hành hoặc khuyến khích nghiên cứu và phát triển hàng hóa, dịch vụ, trang bị và tiện ích được thiết kế phổ dụng, như định nghĩa tại điều 2 Công ước này, chỉ cần mức cải tạo và giá thành tối thiểu để đáp ứng được nhu cầu của người khuyết tật, thúc đẩy việc phổ biến và sử dụng các sản phẩm đó, thúc đẩy thiết kế phổ dụng trong phát triển các tiêu chuẩn và định hướng;

g. Tiến hành hoặc khuyến khích nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới, thúc đẩy việc phổ biến và sử dụng các công nghệ này, trong đó có công nghệ thông tin liên lạc, phương tiện và thiết bị hỗ trợ di chuyển, các công nghệ trợ giúp phù hợp với người khuyết tật, ưu tiên các công nghệ có giá thành vừa phải;

h. Cung cấp thông tin dễ tiếp cận cho người khuyết tật về phương tiện, thiết bị hỗ trợ di chuyển và các công nghệ trợ giúp, trong đó có các công nghệ mới, cũng như mọi hình thức dịch vụ hoặc cơ sở vật chất trợ giúp khác;

i. Phù hợp với các quyền của người khuyết tật được thừa nhận trong Công ước này, tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn làm việc trong lĩnh vực người khuyết tật, nhằm cung cấp tốt hơn nữa những dịch vụ và sự giúp đỡ mà những quyền này bảo đảm cho họ được hưởng.

2. Đối với các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, quốc gia thành viên cam kết tiến hành các biện pháp tối đa mà nguồn lực sẵn có của mình cho phép, và nếu cần, trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, hướng tới mục đích biến những quyền này thành hiện thực, không phương hại tới những nghĩa vụ ghi nhận trong Công ước này được áp dụng trực tiếp theo luật quốc tế.

3. Trong xây dựng và thi hành pháp luật và chính sách nhằm thi hành Công ước này, và trong các quá trình ra quyết định khác liên quan đến các vấn đề về người khuyết tật, các quốc gia thành viên phải tham khảo ý kiến và cho phép người khuyết tật, kể cả trẻ em khuyết tật, chủ động tham gia thông qua các tổ chức đại diện của họ.

4. Công ước này không ảnh hưởng tới bất kỳ quy định nào có lợi hơn cho việc biến các quyền của người khuyết tật thành hiện thực có thể được ghi nhận trong pháp luật của một quốc gia thành viên hoặc luật quốc tế có hiệu lực đối với quốc gia đó. Không được viện cớ Công ước này không công nhận hoặc công nhận ở mức độ hẹp hơn những quyền và tự do cơ bản của con người đã được thừa nhận hoặc tồn tại ở bất kỳ quốc gia thành viên nào phù hợp với pháp luật, các công ước, quy định hoặc tập quán, để hạn chế hoặc làm phương hại tới các quyền và tự do đó.

5. Các điều khoản của Công ước này sẽ có hiệu lực đối với tất cả các bộ phận cấu thành nhà nước liên bang mà không có bất kỳ hạn chế hay ngoại lệ nào.

Điều 5. Bình đẳng và không phân biệt đối xử

1. Quốc gia thành viên công nhận rằng mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ, quyền được hưởng lợi ích của pháp luật một cách bình đẳng, không có sự phân biệt nào.

2. Quốc gia thành viên cấm phân biệt đối xử trên cơ sở sự khuyết tật và bảo đảm cho người khuyết tật sự bảo vệ pháp lý hữu hiệu và bình đẳng chống lại sự phân biệt đối xử trên bất kỳ cơ sở nào.

3. Nhằm tăng cường bình đẳng và xoá bỏ phân biệt đối xử, quốc gia thành viên sẽ tiến hành các bước thích hợp để bảo đảm tạo điều kiện hợp lý.

4. Các biện pháp đặc biệt cần thiết cho việc đẩy mạnh hoặc đạt tới sự bình đẳng thực tế của người khuyết tật sẽ không bị coi là phân biệt đối xử theo Công ước này.

Điều 6- Phụ nữ khuyết tật

1. Quốc gia thành viên thừa nhận rằng phụ nữ và các bé gái khuyết tật dễ bị phân biệt đối xử, do vậy quốc gia thành viên phải tiến hành các biện pháp bảo đảm cho họ được hưởng trọn vẹn và bình đẳng các quyền và tự do cơ bản của con người.
2. Quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp thích hợp để bảo đảm cho phụ nữ có được sự phát triển đầy đủ, sự tiến bộ tối đa và quyền năng hoàn toàn, nhằm mục đích bảo đảm cho họ thực hiện và thụ hưởng các quyền và tự do cơ bản của con người được Công ước này bảo vệ.

Điều 7- Trẻ em khuyết tật

1. Các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm cho trẻ em khuyết tật được hưởng trọn vẹn các quyền và tự do cơ bản của con người trên cơ sở bình đẳng với các trẻ em khác.
2. Trong mọi hành động liên quan tới trẻ em khuyết tật, lợi ích tốt nhất của trẻ phải được đặt lên hàng đầu.
3. Các quốc gia thành viên bảo đảm rằng trẻ em khuyết tật có quyền bày tỏ ý kiến một cách tự do về mọi vấn đề ảnh hưởng tới các em, ý kiến của trẻ em phải được cân nhắc thích đáng phù hợp với độ tuổi và sự trưởng thành của các em, trên cơ sở bình đẳng với các trẻ em khác, bảo đảm cung cấp cho các em sự trợ giúp phù hợp với lứa tuổi và với tình trạng khuyết tật để các em thực hiện quyền đó.

Điều 8- Nâng cao nhận thức

1. Các quốc gia thành viên cam kết thông qua các biện pháp hiệu quả và thích đáng ngay lập tức để:
 - a. Nâng cao nhận thức toàn xã hội, kể cả ở cấp độ gia đình, về người khuyết tật, và tạo điều kiện cho sự tôn trọng quyền và nhân phẩm của người khuyết tật;
 - b. Đấu tranh với những định kiến, thành kiến và thực tiễn tiêu cực về người khuyết tật, kể cả dựa trên giới tính và độ tuổi, trong mọi lĩnh vực đời sống;
 - c. Tăng cường nhận thức về năng lực và sự đóng góp của người khuyết tật.
2. Các biện pháp để đạt được mục đích này bao gồm:
 - a. Khởi xướng và duy trì các chiến dịch nâng cao nhận thức có hiệu quả cho công chúng, xây dựng các chiến dịch này để:
 - i. Nuôi dưỡng hiểu biết về quyền của người khuyết tật;

- ii. Khuyến khích hiểu biết và nhận thức tích cực về người khuyết tật;
- iii. Thúc đẩy công nhận kỹ năng, phẩm chất và sự khéo léo của người khuyết tật, và công nhận sự đóng góp của họ đối với nơi làm việc và thị trường lao động;
- b. Khuyến khích thái độ tôn trọng quyền của người khuyết tật ở mọi cấp độ của hệ thống giáo dục, kể cả đối với trẻ em nhỏ tuổi;
- c. Khuyến khích các cơ quan truyền thông đưa tin về người khuyết tật theo cách thức phù hợp với mục đích của Công ước này;
- d. Tăng cường các chương trình đào tạo nhận thức về người khuyết tật và các quyền của người khuyết tật.

Điều 9- Khả năng tiếp cận

1. Để người khuyết tật có thể sống độc lập và tham gia trọn vẹn vào mọi khía cạnh cuộc sống, quốc gia thành viên phải tiến hành các biện pháp thích hợp để bảo đảm cho người khuyết tật được tiếp cận trên cơ sở bình đẳng với những người khác đối với môi trường vật chất, giao thông, thông tin liên lạc, trong đó có các công nghệ và hệ thống thông tin liên lạc, và các vật dụng và dịch vụ khác dành cho công chúng, ở cả thành thị và nông thôn. Các biện pháp này, trong đó có phát hiện và loại bỏ những cản trở và chướng ngại đối với sự tiếp cận, sẽ áp dụng trước hết đối với:

- a. Tòa nhà, đường sá, giao thông và các công trình, cơ sở vật chất trong nhà và bên ngoài khác, trong đó có trường học, nhà ở, cơ sở y tế và nơi làm việc;
- b. Thông tin, liên lạc và các dịch vụ khác, trong đó có dịch vụ điện tử và dịch vụ cấp cứu.

2. Các quốc gia thành viên cũng tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Phát triển, tăng cường và giám sát thi hành những tiêu chuẩn tối thiểu và định hướng về khả năng tiếp cận của cơ sở vật chất và dịch vụ dành cho công chúng;
- b. Bảo đảm rằng các cơ sở tư nhân cung cấp cơ sở vật chất và dịch vụ cho công chúng cân nhắc mọi khía cạnh về khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật;
- c. Cung cấp đào tạo cho những người nắm giữ cổ phần về các vấn đề liên quan đến khả năng tiếp cận mà người khuyết tật phải đối mặt;
- d. Cung cấp dấu hiệu nổi Braille dưới dạng dễ đọc và dễ hiểu trong các tòa nhà và các cơ sở vật chất khác dành cho công chúng;

e. Cung cấp các hình thức trợ giúp và người giúp đỡ tại chỗ, trong đó có hướng dẫn, máy đọc và người phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu chuyên nghiệp, để các tòa nhà và cơ sở vật chất khác dành cho công chúng dễ tiếp cận hơn;

f. Tăng cường các hình thức trợ giúp thích hợp khác cho người khuyết tật để bảo đảm đảm bảo cho họ tiếp cận thông tin;

g. Khuyến khích người khuyết tật tiếp cận thông tin và công nghệ, hệ thống liên lạc mới, trong đó có Internet;

h. Khuyến khích thiết kế, phát triển, sản xuất và phân phối thông tin, công nghệ và hệ thống liên lạc dễ tiếp cận ngay từ giai đoạn đầu, nhờ đó các công nghệ và hệ thống này sẽ dễ tiếp cận với chi phí tối thiểu.

Điều 10- Quyền sống

Các quốc gia thành viên khẳng định một lần nữa rằng mọi người đều có quyền được sống và sẽ tiến hành mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm đảm bảo cho người khuyết tật được hưởng một cách hiệu quả quyền này trên cơ sở bình đẳng với những người khác.

Điều 11- Tình huống nguy hiểm và tình trạng khẩn cấp nhân đạo

Phù hợp với nghĩa vụ của mình theo luật quốc tế, trong đó có luật nhân đạo quốc tế và luật quốc tế về quyền con người, các quốc gia thành viên phải tiến hành mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm sự bảo vệ và sự an toàn cho người khuyết tật trong các tình huống nguy hiểm, trong đó có chiến tranh, tình trạng khẩn cấp nhân đạo và thiên tai.

Điều 12- Được công nhận bình đẳng trước pháp luật

1. Các quốc gia thành viên khẳng định một lần nữa rằng ở bất kỳ đâu, người khuyết tật cũng có quyền được công nhận là con người trước pháp luật.

2. Các quốc gia thành viên thừa nhận rằng người khuyết tật được hưởng năng lực pháp lý trên cơ sở bình đẳng với những người khác trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

3. Các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp cần thiết để giúp người khuyết tật tiếp cận với sự trợ giúp mà họ có thể cần đến khi thực hiện năng lực pháp lý của mình.

4. Phù hợp với luật quốc tế về quyền con người, các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng các biện pháp liên quan đến hạn chế năng lực pháp lý dự liệu những giới hạn thích hợp và hiệu quả để phòng ngừa lạm dụng. Những giới hạn này phải bảo đảm rằng các biện pháp liên quan đến hạn chế năng lực pháp lý tôn

trọng quyền, ý muốn và sự lựa chọn của người liên quan, không bị ảnh hưởng bởi xung đột lợi ích và ảnh hưởng không chính đáng, tương xứng và phù hợp với hoàn cảnh của người liên quan, chỉ áp dụng trong khoảng thời gian ngắn nhất có thể và thường xuyên được một cơ quan tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền, độc lập và công bằng xem xét lại. Những giới hạn này phải tương xứng với mức độ mà biện pháp hạn chế năng lực pháp lý ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của người liên quan.

5. Phù hợp với các quy định của điều này, các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp thích hợp và hữu hiệu để bảo đảm quyền bình đẳng của người khuyết tật trong việc sở hữu hoặc thừa kế tài sản, kiểm soát tài chính của mình, tiếp cận bình đẳng đối với các khoản vay ngân hàng, cầm cố hoặc các hình thức tín dụng tài chính khác, và phải bảo đảm rằng người khuyết tật không bị tùy tiện tước đoạt quyền sở hữu.

Điều 13- Tiếp cận hệ thống tư pháp

1. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm cho người khuyết tật được tiếp cận hệ thống tư pháp một cách hữu hiệu, trên cơ sở bình đẳng với những người khác, trong đó bằng cách quy định về sự tiện lợi trong tố tụng và sự bố trí phù hợp với lứa tuổi, nhằm mục đích tạo điều kiện cho người khuyết tật đóng vai trò hiệu quả khi tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp, như với tư cách người làm chứng, vào mọi tiến trình pháp lý, kể cả ở giai đoạn điều tra hoặc các giai đoạn đầu khác.

2. Để giúp bảo đảm cho người khuyết tật được tiếp cận hệ thống tư pháp một cách hữu hiệu, các quốc gia thành viên phải tăng cường đào tạo thích đáng cho những người làm việc trong lĩnh vực tư pháp, trong đó có cảnh sát và nhân viên trại giam.

Điều 14- Tự do và an toàn cá nhân

1. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng trên cơ sở bình đẳng với những người khác, người khuyết tật được:

a. Hưởng quyền tự do và an toàn cá nhân;

b. Không bị tước đoạt tự do một cách trái pháp luật hoặc tùy tiện, mọi sự tước đoạt tự do đều phải phù hợp với pháp luật, và việc một người có khuyết tật không bao giờ biện minh được cho hành động tước đoạt tự do.

2. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng nếu người khuyết tật bị tước đoạt tự do sau bất kỳ thủ tục nào, họ vẫn được bảo vệ theo luật quốc tế về quyền con người trên cơ sở bình đẳng với những người khác, và được đối xử theo cách thức phù hợp với mục đích và các nguyên tắc của Công ước này, trong đó có nguyên tắc tạo điều kiện hợp lý.

Điều 15- Không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm

1. Không ai bị tra tấn hoặc đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm. Đặc biệt, không ai bị đưa ra làm thí nghiệm y học hoặc khoa học nếu không tự nguyện đồng ý.
2. Các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp hiệu quả về lập pháp, hành pháp, tư pháp hoặc các biện pháp khác nhằm ngăn ngừa sự tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt một cách tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm đối với người khuyết tật, trên cơ sở bình đẳng với những người khác.

Điều 16 – Không bị bóc lột, bạo hành hoặc lạm dụng

1. Các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp thích hợp về lập pháp, hành pháp, xã hội, giáo dục và các biện pháp khác để bảo vệ người khuyết tật không bị bất kỳ hình thức bóc lột, bạo hành hoặc lạm dụng nào, kể cả bóc lột, bạo hành hoặc lạm dụng trên cơ sở giới, bất kể trong hay ngoài gia đình.
2. Các quốc gia thành viên cũng tiến hành mọi biện pháp thích hợp để ngăn chặn mọi hình thức bóc lột, bạo hành và lạm dụng, trong đó có thông qua bảo đảm những hình thức giúp đỡ, hỗ trợ thích hợp dành cho người khuyết tật trong giới hoặc lứa tuổi nhạy cảm hoặc gia đình, người chăm sóc họ, bao gồm thông qua cung cấp thông tin và giáo dục phòng tránh, nhận biết và báo lại những hành vi bóc lột, bạo hành và lạm dụng. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng các dịch vụ bảo vệ này tôn trọng và phù hợp với lứa tuổi, giới và tình trạng khuyết tật của người liên quan.
3. Để ngăn chặn mọi hình thức bóc lột, bạo hành hoặc lạm dụng, các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng mọi cơ sở vật chất và chương trình nhằm phục vụ người khuyết tật được cơ quan chức năng độc lập giám sát một cách hiệu quả.
4. Các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp thích hợp để thúc đẩy sự bình phục về tâm lý, ý thức và thể chất, sự phục hồi và tái hòa nhập xã hội của người khuyết tật là nạn nhân của bất kỳ hình thức bóc lột, bạo hành hoặc lạm dụng nào, kể cả việc cung cấp dịch vụ bảo vệ. Sự bình phục và tái hòa nhập này phải diễn ra trong một môi trường có lợi cho sức khỏe, sự thoải mái, lòng tự trọng, nhân phẩm và tính tự lực của người liên quan, và cân nhắc những nhu cầu cụ thể về giới và lứa tuổi.
5. Các quốc gia thành viên phải thông qua pháp luật và chính sách hiệu quả, trong đó có pháp luật và chính sách dành cho đối tượng là phụ nữ và trẻ em, để bảo đảm rằng mọi vụ việc bóc lột, bạo hành và lạm dụng đối với người khuyết tật đều phải được phát hiện, điều tra và truy tố nếu cần.

Điều 17-Bảo vệ sự toàn vẹn cá nhân

Mọi người khuyết tật đều có quyền được tôn trọng sự toàn vẹn về thể chất và tinh thần trên cơ sở bình đẳng với những người khác.

Điều 18- Quyền tự do đi lại và quyền có quốc tịch

1. Các quốc gia thành viên phải công nhận quyền của người khuyết tật được tự do đi lại, tự do chọn khu vực cư trú và quyền có quốc tịch, trên cơ sở bình đẳng với những người khác, bao gồm việc bảo đảm rằng người khuyết tật:

a. Có quyền nhận và thay đổi quốc tịch và không bị tước quốc tịch một cách tùy tiện hoặc trên cơ sở sự khuyết tật;

b. Không bị tước đoạt, một cách tùy tiện hoặc trên cơ sở sự khuyết tật, khả năng được cấp, sở hữu và sử dụng giấy tờ quốc tịch của họ hoặc giấy tờ căn cước khác, hoặc khả năng sử dụng những thủ tục thích hợp như thủ tục di trú có thể cần thiết để thực hiện quyền tự do đi lại một cách thuận lợi;

c. Tự do rời khỏi bất kỳ đất nước nào, kể cả đất nước của mình;

d. Không bị tước đoạt, một cách tùy tiện hoặc trên cơ sở sự khuyết tật, quyền vào đất nước của chính mình.

2. Trẻ em khuyết tật được khai sinh ngay sau khi ra đời và ngay từ khi ra đời, có quyền có tên họ, quyền có quốc tịch và quyền được cha mẹ biết và chăm sóc, trong chừng mực tối đa có thể.

Điều 19- Sống độc lập và là một phần của cộng đồng

Các quốc gia thành viên Công ước này công nhận quyền bình đẳng của mọi người khuyết tật được sống trong cộng đồng theo sự lựa chọn bình đẳng như những người khác, tiến hành mọi biện pháp hiệu quả và thích hợp để tạo điều kiện cho người khuyết tật hưởng trọn vẹn quyền này, giúp họ gia nhập và tham gia hoàn toàn vào cộng đồng, bao gồm việc bảo đảm rằng:

a. Người khuyết tật có cơ hội chọn khu vực cư trú và nơi họ sống, người họ sống cùng, trên cơ sở bình đẳng với những người khác và không bị bắt buộc phải sống trong một điều kiện cụ thể nào;

b. Người khuyết tật có được tiếp cận với một tập hợp dịch vụ tại nhà, tại khu vực cư trú hoặc các dịch vụ hỗ trợ cộng đồng khác, trong đó có sự hỗ trợ cá nhân cần thiết để họ sống và gia nhập cộng đồng, và ngăn chặn sự cách ly và tách biệt khỏi cộng đồng;

c. Các dịch vụ và cơ sở vật chất cộng đồng dành cho quảng đại công chúng phải dành cho người khuyết tật trên cơ sở bình đẳng, và phải đáp ứng các nhu cầu của họ.

Điều 20- Di chuyển cá nhân

Các quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp hiệu quả để bảo đảm cho người khuyết tật di chuyển cá nhân thuận tiện một cách độc lập tối đa có thể được, bao gồm bằng những cách sau:

- a. Tạo điều kiện cho người khuyết tật di chuyển cá nhân theo cách thức và vào thời gian họ chọn, với giá thành vừa phải;
- b. Tạo điều kiện cho người khuyết tật tiếp cận phương tiện, thiết bị và công nghệ hỗ trợ di chuyển và các hình thức trợ giúp hoặc người trợ giúp tại chỗ, trong đó có bằng cách cung cấp những tiện ích như vậy với giá thành vừa phải;
- c. Cung cấp đào tạo thích hợp về kỹ năng di chuyển cá nhân cho người khuyết tật và đội ngũ nhân viên chuyên môn làm việc với người khuyết tật;
- d. Khuyến khích các cơ sở sản xuất phương tiện, thiết bị và công nghệ hỗ trợ di chuyển có tính đến mọi khía cạnh về sự di chuyển của người khuyết tật.

Điều 21- Tự do biểu đạt, tự do có chính kiến, và sự tiếp cận thông tin

Các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp thích hợp để bảo đảm rằng người khuyết tật có thể thực hiện quyền tự do biểu đạt và tự do chính kiến, trong đó có tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin và ý kiến trên cơ sở bình đẳng với những người khác và bằng bất kỳ hình thức giao tiếp nào họ chọn, như đã định nghĩa tại điều 2 Công ước này, bao gồm bằng cách:

- a. Cung cấp thông tin dành cho quảng đại quần chúng cho người khuyết tật dưới các hình thức và công nghệ họ có thể tiếp cận được, thích hợp với các dạng khuyết tật khác nhau, một cách kịp thời và không thu thêm phí;
- b. Chấp nhận và tạo điều kiện cho việc sử dụng ngôn ngữ ký hiệu, chữ Braille, các hình thức giao tiếp tăng cường hoặc thay thế, và mọi phương tiện, cách thức, dạng giao tiếp dễ tiếp cận khác tùy theo sự lựa chọn của người khuyết tật trong mọi trao đổi chính thức;
- c. Kêu gọi các cơ sở tư cung cấp dịch vụ cho quảng đại quần chúng, kể cả qua Internet, cung cấp thông tin và dịch vụ dưới các dạng dễ tiếp cận và dễ sử dụng cho người khuyết tật;
- d. Khuyến khích các cơ quan truyền thông đại chúng, kể cả nhà cung cấp thông tin qua Internet, làm dịch vụ của họ trở nên dễ tiếp cận đối với người khuyết tật;
- e. Thừa nhận và thúc đẩy việc sử dụng ngôn ngữ ký hiệu.

Điều 22 – Tôn trọng cuộc sống riêng tư

1. Không người khuyết tật nào, dù họ sống ở bất cứ đâu, cư trú ở khu vực nào, bị can thiệp vào cuộc sống riêng tư, gia đình, nhà riêng hoặc thư tín, hoặc bất kỳ hình thức giao tiếp nào, hay bị tấn công trái pháp luật vào danh dự và uy tín của mình một cách tùy tiện hoặc trái pháp luật. Người khuyết tật có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp hoặc tấn công nêu trên.

2. Các quốc gia thành viên phải bảo vệ tính riêng tư của các thông tin cá nhân, thông tin về sức khỏe và sự hồi phục của người khuyết tật trên cơ sở bình đẳng với những người khác.

Điều 23 – Tôn trọng tổ ấm và gia đình

1. Quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp hiệu quả và thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử đối với người khuyết tật trong các vấn đề liên quan đến hôn nhân, gia đình, cha mẹ, họ hàng, trên cơ sở bình đẳng với những người khác, để bảo đảm:

a. Công nhận quyền của mọi người khuyết tật ở độ tuổi kết hôn được kết hôn và xây dựng gia đình trên cơ sở đồng ý tự nguyện và hoàn toàn của người dự định trở thành vợ hoặc chồng người đó;

b. Công nhận quyền của người khuyết tật được toàn quyền quyết định một cách có trách nhiệm về số con, chỗ dành cho con và được tiếp cận thông tin cũng như giáo dục về sinh sản và kế hoạch hóa gia đình thích hợp với lứa tuổi, cung cấp cho họ những phương tiện cần thiết để thực hiện những quyền này;

c. Người khuyết tật, kể cả trẻ em, kiểm chế sinh sản trên cơ sở bình đẳng với những người khác.

2. Các quốc gia thành viên bảo đảm quyền và trách nhiệm của người khuyết tật đối với việc trông giữ, bảo trợ, ủy thác, nhận nuôi trẻ em hoặc các quan hệ tương tự, nếu các khái niệm này có trong pháp luật quốc gia; trong mọi trường hợp lợi ích tốt nhất cho trẻ phải được đặt lên hàng đầu. Quốc gia thành viên cung cấp cho người khuyết tật sự hỗ trợ thích hợp để họ thực hiện trách nhiệm chăm sóc trẻ.

3. Các quốc gia thành viên bảo đảm rằng trẻ em khuyết tật có quyền được tôn trọng cuộc sống gia đình một cách bình đẳng. Để hướng tới biến quyền này thành hiện thực, và để ngăn chặn sự giấu diếm, bỏ rơi, vô trách nhiệm, cách ly trẻ em khuyết tật, quốc gia thành viên cam kết cung cấp thông tin, dịch vụ và sự hỗ trợ kịp thời và toàn diện cho trẻ em khuyết tật và gia đình họ.

4. Quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng trẻ em không bị tách khỏi cha mẹ trái với ý muốn của trẻ, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định phù hợp với luật và thủ tục có hiệu lực rằng việc tách trẻ khỏi cha mẹ là cần thiết vì lợi ích tốt nhất của trẻ, quyết định này phải được xem xét lại về mặt tư pháp. Trong

mọi trường hợp, không bao giờ được tách trẻ em khỏi cha mẹ trên cơ sở sự khuyết tật của trẻ, của bố, mẹ hoặc của cả hai bố mẹ.

5. Khi gia đình ruột thịt của trẻ khuyết tật không thể chăm sóc trẻ, quốc gia thành viên tiến hành mọi nỗ lực để cung cấp sự chăm sóc thay thế trong gia đình lớn hơn của trẻ, nếu không được, thì chăm sóc tại cộng đồng ở một nơi bố trí như gia đình.

Điều 24- Giáo dục

1. Quốc gia thành viên thừa nhận quyền được giáo dục của người khuyết tật. Để hướng tới biến quyền này thành hiện thực, các quốc gia thành viên phải bảo đảm hệ thống giáo dục ở mọi cấp và học tập suốt đời cho người khuyết tật cùng với người không khuyết tật trên cơ sở bình đẳng về cơ hội, sự giáo dục này có định hướng:

a. Phát triển trọn vẹn năng lực tiềm tàng của con người, nhận thức về nhân cách và phẩm giá, củng cố sự tôn trọng quyền con người, các tự do cơ bản và tính đa dạng của loài người;

b. Phát triển trọn vẹn tiềm năng về tính cách, tài năng, sáng tạo, cũng như những năng lực thể chất và tinh thần của người khuyết tật;

c. Tạo điều kiện cho người khuyết tật tham gia hiệu quả vào xã hội tự do.

2. Trong khi biến quyền này thành hiện thực, quốc gia thành viên phải bảo đảm:

a. Người khuyết tật không bị loại khỏi hệ thống giáo dục phổ thông trên cơ sở sự khuyết tật, và trẻ em khuyết tật không bị loại khỏi giáo dục tiểu học bắt buộc, hoặc giáo dục trung học, trên cơ sở sự khuyết tật;

b. Người khuyết tật có thể tiếp cận giáo dục tiểu học và trung học cơ sở có chất lượng tốt và miễn phí trên cơ sở bình đẳng với những người khác trong cùng cộng đồng mà họ sinh sống;

c. Tạo điều kiện hợp lý cho người khuyết tật trên cơ sở nhu cầu cá nhân;

d. Người khuyết tật được nhận sự trợ giúp cần thiết trong hệ thống giáo dục phổ thông để được giáo dục hiệu quả;

e. Cung cấp các biện pháp trợ giúp cá biệt hóa có hiệu quả, trong môi trường thể hiện sự phát triển xã hội và khoa học kỹ thuật cao nhất, phù hợp với mục đích hòa nhập trọn vẹn.

3. Các quốc gia thành viên tạo điều kiện cho người khuyết tật học tập những kỹ năng phát triển đời sống và xã hội để tạo thuận lợi cho họ tham gia giáo dục một

cách trọn vẹn và bình đẳng, với tư cách thành viên của cộng đồng. Để đạt được mục đích này, quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp thích hợp, trong đó có:

- a. Tạo thuận lợi cho việc học chữ Braille, chữ viết thay thế, các cách thức, phương tiện và dạng giao tiếp hoặc định hướng tăng cường hoặc thay thế, kỹ năng di chuyển, và khuyến khích hỗ trợ đồng đẳng và hỗ trợ của chuyên gia;
- b. Tạo thuận lợi cho việc học ngôn ngữ ký hiệu và khuyến khích phát triển bản sắc ngôn ngữ của cộng đồng người khiếm thính;
- c. Bảo đảm giáo dục người khiếm thị, khiếm thính hoặc vừa khiếm thính vừa khiếm thị bằng những ngôn ngữ, cách thức và phương tiện giao tiếp thích hợp nhất cho người đó, và trong những môi trường thể hiện sự phát triển xã hội và khoa học kỹ thuật cao nhất.

4. Để bảo đảm biến quyền này thành hiện thực, các quốc gia thành viên phải tiến hành những biện pháp thích hợp để tuyển dụng giáo viên, trong đó có giáo viên khuyết tật, có trình độ về ngôn ngữ ký hiệu và/hoặc chữ Braille, đào tạo chuyên gia và nhân viên ở mọi cấp giáo dục. Sự đào tạo này phải bao gồm nâng cao nhận thức về người khuyết tật và sử dụng các cách thức, phương tiện và dạng giao tiếp tăng cường hoặc thay thế, kỹ thuật và cơ sở vật chất giáo dục để hỗ trợ người khuyết tật.

5. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng người khuyết tật có thể tiếp cận giáo dục phổ thông cấp ba, dạy nghề, bổ túc và học tập suốt đời mà không có sự phân biệt nào và trên cơ sở bình đẳng với những người khác. Để đạt được mục đích này, quốc gia thành viên sẽ bảo đảm tạo điều kiện hợp lý cho người khuyết tật.

Điều 25- Y tế

Các quốc gia thành viên công nhận rằng người khuyết tật có quyền hưởng tiêu chuẩn y tế cao nhất đã đạt được mà không có sự phân biệt nào trên cơ sở sự khuyết tật. Các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp thích hợp để bảo đảm cho người khuyết tật được tiếp cận dịch vụ y tế phù hợp với lứa tuổi, trong đó có phục hồi về y tế. Đặc biệt, quốc gia thành viên sẽ:

- a. Cung cấp cho người khuyết tật sự chăm sóc và chương trình y tế cùng loại, cùng chất lượng, cùng tiêu chuẩn miễn phí hoặc giá thành vừa phải như đối với những người khác, trong đó có các chương trình giới và sức khỏe sinh sản cũng như các chương trình sức khỏe cộng đồng dân cư;
- b. Cung cấp những dịch vụ y tế đặc biệt mà người khuyết tật cần do họ bị khuyết tật, như phát hiện sớm và can thiệp nếu cần và những dịch vụ nhằm giảm thiểu và ngăn ngừa khuyết tật tăng thêm, kể cả cho trẻ em và người lớn;

c. Cung cấp những dịch vụ y tế này càng gần cộng đồng càng tốt, kể cả ở khu vực nông thôn;

d. Yêu cầu cán bộ chuyên môn y tế cung cấp chăm sóc y tế cho người khuyết tật với cùng chất lượng như cho những người khác, kể cả trên cơ sở đồng ý tự nguyện và hiểu biết, như bằng cách nâng cao nhận thức về quyền con người, nhân phẩm, sự tự lực và nhu cầu của người khuyết tật, thông qua đào tạo và tuyên truyền tiêu chuẩn y đức cho cơ sở y tế công và tư;

e. Cấm phân biệt đối xử đối với người khuyết tật trong khi cung cấp bảo hiểm y tế, bảo hiểm sinh mệnh nếu loại bảo hiểm này được pháp luật quốc gia cho phép, và phải cung cấp các loại bảo hiểm này theo cách thức hợp lý và công bằng;

f. Ngăn ngừa sự từ chối chăm sóc y tế và dịch vụ y tế hoặc đồ ăn thức uống mang tính chất phân biệt đối xử trên cơ sở sự khuyết tật.

Điều 26- Tập luyện và phục hồi

1. Quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp thích hợp và hiệu quả, như thông qua hỗ trợ đồng đẳng, để tạo điều kiện cho người khuyết tật đạt được và duy trì sự độc lập ở mức tối đa, năng lực nghề nghiệp, xã hội, tinh thần và thể chất đầy đủ, hòa nhập trọn vẹn và tham gia hoàn toàn vào mọi khía cạnh của đời sống. Để đạt được mục đích này, quốc gia thành viên tổ chức, củng cố và mở rộng các dịch vụ và chương trình tập luyện và phục hồi toàn diện, đặc biệt là các lĩnh vực dịch vụ y tế, việc làm, giáo dục và xã hội, sao cho các dịch vụ và chương trình này:

a. Bắt đầu vào giai đoạn sớm nhất có thể, và dựa trên đánh giá đa chiều về nhu cầu và sức lực của từng người;

b. Hỗ trợ sự tham gia và hòa nhập cộng đồng trong mọi khía cạnh xã hội, có tính chất tự nguyện, và càng gần cộng đồng của người khuyết tật càng tốt, kể cả ở vùng nông thôn;

2. Quốc gia thành viên thúc đẩy sự phát triển đào tạo từ đầu và bồi dưỡng tiếp đội ngũ cán bộ và nhân viên chuyên môn về dịch vụ tập luyện và phục hồi.

3. Quốc gia thành viên tăng cường số lượng, hiểu biết và sử dụng công nghệ và thiết bị trợ giúp dành riêng cho người khuyết tật liên quan đến tập luyện và phục hồi.

Điều 27 – Lao động và việc làm

1. Quốc gia thành viên công nhận quyền lao động của người khuyết tật trên cơ sở bình đẳng với những người khác; quyền này bao gồm cả quyền có cơ hội tự kiếm sống bằng hình thức lao động do người lao động chọn hoặc chấp nhận trên

thị trường lao động và trong môi trường lao động mở, dễ tiếp cận đối với người khuyết tật. Quốc gia thành viên bảo vệ và thúc đẩy việc biến quyền làm việc thành hiện thực, kê cả cho những người bị khuyết tật trong quá trình lao động, bằng cách tiến hành các bước thích hợp, bao gồm việc thông qua các biện pháp lập pháp, nhằm một số mục đích, trong đó có:

a. Cấm phân biệt trên cơ sở sự khuyết tật trong mọi vấn đề liên quan đến việc làm, bao gồm điều kiện tuyển dụng, sự thuê mướn và tuyển dụng, tiếp tục được tuyển dụng, thăng tiến nghề nghiệp và điều kiện làm việc an toàn và bảo đảm sức khỏe;

b. Bảo vệ quyền của người khuyết tật được có điều kiện làm việc chính đáng và thuận lợi trên cơ sở bình đẳng với những người khác, trong đó có cơ hội bình đẳng và được trả lương ngang nhau cho công việc có giá trị ngang nhau, điều kiện làm việc an toàn và bảo đảm sức khỏe, bao gồm việc được bảo vệ không bị quấy rối hay bị mắng nhiếc;

c. Bảo đảm cho người khuyết tật có thể thực hiện quyền tham gia công đoàn, nghiệp đoàn trên cơ sở bình đẳng với những người khác;

d. Tạo điều kiện cho người khuyết tật tiếp cận các chương trình kỹ thuật và hướng nghiệp chung, các dịch vụ việc làm, đào tạo nghề và đào tạo tiếp tục;

e. Thúc đẩy cơ hội việc làm và thăng tiến nghề nghiệp cho người khuyết tật trên thị trường lao động, cũng như thúc đẩy hỗ trợ tìm kiếm việc làm, duy trì và quay trở lại làm việc;

f. Thúc đẩy cơ hội tự làm việc, nhận thầu, phát triển hợp tác xã và khởi nghiệp;

g. Tuyển dụng người khuyết tật trong lĩnh vực công;

h. Thúc đẩy tuyển dụng người khuyết tật trong lĩnh vực tư, thông qua các biện pháp và chính sách thích hợp, trong đó có thể có các chương trình hành động mang tính chất động viên, khen thưởng và các biện pháp khác;

i. Bảo đảm tạo điều kiện hợp lý cho người khuyết tật ở nơi làm việc;

j. Tạo điều kiện cho người khuyết tật có kinh nghiệm làm việc trên thị trường lao động mở;

k. Thúc đẩy các chương trình phục hồi nghề nghiệp, giữ gìn nghề nghiệp và quay trở lại làm việc cho người khuyết tật.

2. Quốc gia thành viên bảo đảm rằng người khuyết tật không phải làm nô dịch hoặc lao dịch, và được bảo vệ khỏi hình thức lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc, trên cơ sở bình đẳng với những người khác.

Điều 28- Mức sống và phúc lợi xã hội thỏa đáng

1. Quốc gia thành viên công nhận quyền của người khuyết tật và gia đình của họ được có mức sống thỏa đáng, trong đó có điều kiện ăn, mặc và ở thỏa đáng, và quyền của người khuyết tật được có điều kiện sống liên tục cải thiện, và tiến hành các bước thích hợp để bảo vệ và thúc đẩy việc biến quyền này thành hiện thực mà không có sự phân biệt đối xử trên cơ sở sự khuyết tật.

2. Quốc gia thành viên công nhận quyền của người khuyết tật được hưởng phúc lợi xã hội và được hưởng quyền đó mà không có sự phân biệt đối xử trên cơ sở sự khuyết tật, và tiến hành các bước thích hợp để bảo vệ và thúc đẩy việc biến quyền này thành hiện thực, trong đó có các biện pháp:

a. Bảo đảm cho người khuyết tật tiếp cận bình đẳng đối với dịch vụ nước sạch, bảo đảm cho họ tiếp cận các dịch vụ, thiết bị và sự hỗ trợ khác phục vụ những nhu cầu xuất phát từ tình trạng khuyết tật;

b. Bảo đảm quyền của người khuyết tật, đặc biệt là phụ nữ và bé gái khuyết tật, người già khuyết tật được hưởng các chương trình phúc lợi xã hội và chương trình xoá đói giảm nghèo;

c. Bảo đảm cho người khuyết tật và gia đình họ sống trong tình trạng nghèo khổ được tiếp cận sự giúp đỡ từ quỹ hỗ trợ người khuyết tật, trong đó có thể bằng cách đào tạo, tư vấn hoặc hỗ trợ tài chính và động viên tạm thời một cách thích hợp;

d. Bảo đảm cho người khuyết tật tiếp cận các chương trình nhà ở công cộng;

e. Bảo đảm cho người khuyết tật tiếp cận các chương trình và phúc lợi hưu trí.

Điều 29 – Tham gia đời sống chính trị công cộng

Quốc gia thành viên phải bảo đảm cho người khuyết tật có các quyền chính trị và cơ hội hưởng các quyền đó trên cơ sở bình đẳng với những người khác, và cam kết:

a. Bảo đảm rằng người khuyết tật có thể tham gia hiệu quả và trọn vẹn vào đời sống chính trị công cộng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua đại diện do họ tự do lựa chọn, theo đó người khuyết tật có quyền và cơ hội bầu cử và được bầu cử, bằng một số cách như:

i. Bảo đảm rằng thủ tục, cơ sở vật chất phục vụ bầu cử thích hợp, dễ tiếp cận, dễ hiểu, dễ sử dụng;

ii. Trong các cuộc bầu cử và trưng cầu ý dân, bảo vệ quyền của người khuyết tật được bỏ phiếu kín và không bị hăm dọa, quyền ứng cử, quyền giữ chức vụ một

cách có hiệu quả và thực hiện mọi chức năng công quyền ở mọi cấp chính quyền, tạo thuận lợi cho việc sử dụng công nghệ hỗ trợ tiên tiến khi cần;

iii. Bảo đảm quyền tự do biểu đạt ý kiến của người khuyết tật với tư cách cử tri, để đạt được mục đích đó, cho phép người khuyết tật có người trợ giúp do người khuyết tật tự chọn, nếu cần và nếu người khuyết tật yêu cầu;

b. Chủ động thúc đẩy một môi trường cho phép người khuyết tật tham gia một cách hiệu quả và trọn vẹn vào các hoạt động xã hội, một cách không phân biệt đối xử và trên cơ sở bình đẳng với những người khác, và khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động xã hội, trong đó có:

i. Tham gia vào các tổ chức và hiệp hội phi chính phủ có liên quan đến đời sống chính trị xã hội, trong việc quản lý và các hoạt động của các đảng phái chính trị;

ii. Thành lập và gia nhập các tổ chức người khuyết tật để đại diện cho người khuyết tật ở cấp địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Điều 30 – Tham gia hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí và thể thao

1. Quốc gia thành viên công nhận quyền của người khuyết tật được tham gia vào đời sống văn hóa trên cơ sở bình đẳng với những người khác, và tiến hành các biện pháp thích hợp để bảo đảm rằng người khuyết tật:

a. Được tiếp cận văn hóa phẩm dưới dạng dễ tiếp cận;

b. Được tiếp cận chương trình truyền hình, phim, nhà hát và các hoạt động văn hóa khác dưới dạng dễ tiếp cận;

c. Được tiếp cận những nơi có các dịch vụ văn hóa hoặc trình diễn văn hóa, như trong rạp hát, viện bảo tàng, rạp chiếu phim, thư viện và dịch vụ du lịch, và ở mức độ có thể, được tiếp cận các công trình hoặc địa điểm văn hóa quốc gia quan trọng.

2. Quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp thích hợp để tạo điều kiện cho người khuyết tật có cơ hội phát triển và sử dụng tiềm năng trí tuệ, nghệ thuật và sáng tạo của mình, không chỉ vì lợi ích của chính họ, mà còn vì lợi ích của toàn xã hội.

3. Quốc gia thành viên tiến hành mọi bước thích hợp phù hợp với luật pháp quốc tế để bảo đảm rằng pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ không tạo thành rào cản bất hợp lý hoặc có tính chất phân biệt đối xử ảnh hưởng tới sự tiếp cận của người khuyết tật đối với văn hóa phẩm.

4. Người khuyết tật có quyền được công nhận và ủng hộ bản sắc ngôn ngữ và văn hóa riêng biệt của họ, trong đó có ngôn ngữ ký hiệu và văn hóa dành cho người khiếm thính.

5. Để hướng tới tạo điều kiện cho người khuyết tật tham gia vào các hoạt động vui chơi, giải trí và thể thao trên cơ sở bình đẳng với những người khác, quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Khuyến khích và thúc đẩy sự tham gia của người khuyết tật vào các hoạt động thể thao quần chúng tới mức rộng rãi nhất có thể;

b. Bảo đảm rằng người khuyết tật có cơ hội tổ chức, phát triển và tham gia những hoạt động thể thao và vui chơi dành riêng cho người khuyết tật, và để đạt được mục đích này, khuyến khích cung cấp chỉ dẫn, đào tạo và nguồn lực trên cơ sở bình đẳng với những người khác;

c. Bảo đảm rằng người khuyết tật có thể tiếp cận các sự kiện du lịch, vui chơi và thể thao;

d. Bảo đảm rằng trẻ em khuyết tật có quyền tiếp cận bình đẳng như các trẻ em khác trong tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí và thể thao, trong đó có các hoạt động trong hệ thống trường học;

e. Bảo đảm rằng trẻ em khuyết tật có quyền tiếp cận dịch vụ do những người tham gia tổ chức các hoạt động vui chơi, du lịch, giải trí và thể thao cung cấp.

Điều 31- Thống kê và thu thập dữ liệu

1. Quốc gia thành viên cam kết thu thập các thông tin cần thiết, trong đó có dữ liệu thống kê và nghiên cứu, để thuận lợi trong việc xây dựng và thi hành các chính sách nhằm thực hiện Công ước này. Quy trình thu thập và cất giữ thông tin phải:

a. Tuân thủ các hạn chế theo luật định, trong đó có luật về bảo vệ dữ liệu, để bảo đảm tính bí mật và tôn trọng đời sống riêng tư của người khuyết tật;

b. Tuân thủ các quy định được quốc tế thừa nhận về bảo vệ quyền và tự do cơ bản của con người và các nguyên tắc đạo đức về thu thập và sử dụng số liệu thống kê.

2. Thông tin thu được theo điều này phải được tách lọc nếu cần và dùng để phục vụ đánh giá thi hành nghĩa vụ của quốc gia thành viên theo Công ước này, cũng như để phát hiện và giải quyết những trở ngại mà người khuyết tật phải đối mặt khi thực hiện các quyền của mình.

3. Quốc gia thành viên nhận trách nhiệm phổ biến các số liệu thống kê này và bảo đảm rằng người khuyết tật và những người khác có thể tiếp cận các số liệu đó.

Điều 32 – Hợp tác quốc tế

1. Quốc gia thành viên công nhận tầm quan trọng của hợp tác quốc tế và sự thúc đẩy hợp tác quốc tế trong việc hỗ trợ các nỗ lực quốc gia nhằm thực hiện các mục đích của Công ước này, do vậy sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp và hiệu quả giữa các quốc gia và nếu cần, hợp tác với các tổ chức khu vực và quốc tế liên quan và nhân dân, đặc biệt là các tổ chức của người khuyết tật. Những biện pháp như vậy có thể bao gồm các hoạt động như:

a. Bảo đảm rằng hợp tác quốc tế, trong đó có các chương trình phát triển quốc tế, dễ tiếp cận và dành cho cả người khuyết tật ;

b. Tạo thuận lợi và hỗ trợ việc xây dựng năng lực, bao gồm thông qua trao đổi và chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, chương trình đào tạo và thực tiễn tốt nhất;

c. Tạo thuận lợi cho hợp tác nghiên cứu và tiếp cận hiểu biết khoa học kỹ thuật;

d. Nếu thích hợp, trợ giúp về kinh tế và kỹ thuật, trong đó có bằng cách tạo thuận lợi cho việc tiếp cận và chia sẻ các công nghệ hỗ trợ, và thông qua chuyển giao công nghệ.

2. Những quy định của điều này không phương hại đến nghĩa vụ của quốc gia thành viên thi hành các nghĩa vụ của mình theo Công ước này.

Điều 33 – Thi hành và giám sát ở cấp quốc gia

1. Phù hợp với hệ thống tổ chức của mình, quốc gia thành viên chỉ định một hoặc một số đầu mối thuộc chính phủ chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến việc thi hành Công ước này, và nghiêm túc cân nhắc thành lập hoặc chỉ định một cơ chế điều phối thuộc chính phủ để tạo thuận lợi cho các hành động liên quan với nhau trong các lĩnh vực khác nhau và ở các cấp độ khác nhau.

2. Phù hợp với hệ thống pháp lý và quản lý của mình, quốc gia thành viên duy trì, củng cố và chỉ định hoặc thành lập ở quốc gia thành viên một khuôn khổ, trong đó có một hoặc một số cơ chế độc lập nếu thích hợp, để thúc đẩy, bảo vệ và giám sát việc thi hành Công ước này. Trong khi chỉ định hoặc thành lập cơ chế như vậy, các quốc gia thành viên phải cân nhắc các nguyên tắc về địa vị và chức năng của các thể chế quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người.

3. Nhân dân, đặc biệt là người khuyết tật và các tổ chức đại diện của họ phải được hỏi ý kiến và tham gia đầy đủ vào quá trình giám sát.

Điều 34 – Ủy ban về quyền của người khuyết tật

1. Sẽ thành lập Ủy ban về quyền của người khuyết tật (từ đây gọi là “Ủy ban”), Ủy ban này sẽ thực hiện các chức năng được quy định trong Công ước này.
2. Khi Công ước này có hiệu lực, Ủy ban gồm có 12 chuyên gia. Sau khi có thêm 60 quốc gia phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước, Ủy ban sẽ tăng thêm 6 thành viên, đạt số thành viên tối đa là 18 người.
3. Các thành viên của Ủy ban phục vụ với tư cách cá nhân và có uy tín đạo đức cao, có năng lực và kinh nghiệm đã được thừa nhận trong lĩnh vực do Công ước này điều chỉnh. Khi giới thiệu ứng cử viên của mình, quốc gia thành viên nên nghiêm túc cân nhắc quy định tại điều 4 khoản 3 Công ước này.
4. Các quốc gia thành viên sẽ bầu ra các thành viên của Ủy ban, có tính đến sự phân bố công bằng về địa lý, đại diện của các nền văn minh khác nhau và các hệ thống pháp lý cơ bản, đại diện cân bằng về giới và sự tham gia của các chuyên gia khuyết tật.
5. Thành viên Ủy ban được bầu kín trên danh sách do các quốc gia thành viên giới thiệu trong sổ công dân của mình tại các phiên họp Hội nghị quốc gia thành viên, với điều kiện có ít nhất hai phần ba số quốc gia thành viên tham dự phiên họp. Những người được bầu vào Ủy ban là những người đạt được số phiếu cao nhất và đạt được đa số tuyệt đối phiếu bầu của các đại diện quốc gia thành viên có mặt và bỏ phiếu.
6. Kỳ bầu cử đầu tiên sẽ được tổ chức trong vòng 6 tháng tính từ ngày Công ước này có hiệu lực. Ít nhất trước ngày bầu cử 4 tháng, Tổng thư ký Liên Hợp Quốc gửi thư đề nghị các quốc gia thành viên giới thiệu ứng cử viên trong vòng 2 tháng. Sau đó, Tổng thư ký Liên Hợp Quốc chuẩn bị danh sách ứng cử viên được các quốc gia thành viên giới thiệu theo thứ tự bảng chữ cái, kèm theo tên quốc gia thành viên giới thiệu họ và chuyển cho các quốc gia thành viên.
7. Thành viên Ủy ban có nhiệm kỳ 4 năm. Họ có thể được bầu lại một lần. Tuy vậy, 6 trong số thành viên Ủy ban được bầu trong kỳ bầu cử thứ nhất sẽ hết nhiệm kỳ sau 2 năm; ngay sau kỳ bầu cử thứ nhất, tên của 6 thành viên này sẽ được chủ tịch kỳ họp nói đến trong khoản 5 điều này chọn bằng rút thăm..
8. Việc bầu cử 6 thành viên Ủy ban bổ sung sẽ được tổ chức vào kỳ bầu cử thường kỳ, phù hợp với những quy định của điều này.
9. Nếu một thành viên Ủy ban từ trần hoặc từ chức hoặc tuyên bố không thể tiếp tục làm nhiệm vụ vì bất kỳ lý do nào, quốc gia thành viên giới thiệu thành viên đó sẽ chỉ định một chuyên gia khác đáp ứng được đòi hỏi và có trình độ theo các quy định liên quan của điều này để phục vụ trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ.

10. Ủy ban tự soạn thảo các quy định về thủ tục của mình.

11. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc cung cấp cơ sở vật chất và đội ngũ nhân viên cần thiết cho việc thực hiện các chức năng của Ủy ban theo Công ước này, và triệu tập kỳ họp đầu tiên của Ủy ban.

12. Sau khi được Đại hội đồng thông qua, thành viên Ủy ban thành lập theo Công ước này nhận lương từ quỹ của Liên Hợp Quốc theo các quy định và điều kiện mà Đại hội đồng quyết định, trên cơ sở cân nhắc tầm quan trọng của các trách nhiệm của Ủy ban.

13. Thành viên Ủy ban được hưởng những điều kiện thuận lợi, ưu đãi và miễn trừ của các chuyên gia của Liên Hợp Quốc theo quy định của Công ước về ưu đãi và miễn trừ của Liên Hợp Quốc.

Điều 35- Báo cáo của các quốc gia thành viên

1. Mỗi quốc gia thành viên nộp cho Ủy ban một báo cáo toàn diện về các biện pháp đã tiến hành để thực hiện nghĩa vụ theo Công ước này và về tiến bộ đã đạt được trong việc thực hiện Công ước, thông qua Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, trong vòng 2 năm tính từ ngày Công ước này có hiệu lực đối với quốc gia thành viên liên quan.

2. Sau đó, các quốc gia thành viên nộp báo cáo ít nhất 4 năm một lần và khi nào Ủy ban yêu cầu.

3. Ủy ban quyết định những định hướng có thể áp dụng cho nội dung các báo cáo này.

4. Trong các báo cáo tiếp theo, quốc gia thành viên đã nộp báo cáo toàn diện đầu tiên cho Ủy ban không cần nhắc lại các thông tin đã cung cấp. Các quốc gia thành viên nên cân nhắc việc chuẩn bị báo cáo cho Ủy ban trong một quá trình minh bạch, công khai và cân nhắc nghiêm túc quy định tại điều 4 khoản 3 của Công ước này.

5. Các báo cáo có thể nêu những yếu tố và khó khăn ảnh hưởng đến mức độ hoàn thành nghĩa vụ theo Công ước này.

Điều 36 – Xem xét báo cáo

1. Ủy ban sẽ xem xét từng báo cáo, đưa ra gợi ý và khuyến nghị chung về báo cáo mà Ủy ban thấy thích hợp và chuyển cho quốc gia thành viên liên quan. Quốc gia thành viên có thể lựa chọn bất kỳ thông tin nào để trả lời Ủy ban. Ủy ban có thể yêu cầu thêm thông tin liên quan đến việc thi hành Công ước này từ các quốc gia thành viên.

2. Nếu một quốc gia thành viên quá hạn nộp báo cáo, Ủy ban có thể thông báo cho quốc gia thành viên liên quan về sự cần thiết kiểm tra tình hình thi hành Công ước này ở quốc gia thành viên đó, trên cơ sở các thông tin đáng tin cậy mà Ủy ban có được, nếu quốc gia thành viên không nộp báo cáo trong vòng 3 tháng kể từ ngày được thông báo. Ủy ban sẽ yêu cầu quốc gia thành viên liên quan tham gia vào việc kiểm tra này. Nếu quốc gia thành viên đáp ứng bằng cách nộp báo cáo liên quan, sẽ áp dụng quy định tại khoản 1 điều này.

3. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc cung cấp các báo cáo cho tất cả các quốc gia thành viên.

4. Các quốc gia thành viên sẽ phổ biến rộng rãi báo cáo của mình cho nhân dân trong nước và tạo điều kiện cho việc tiếp cận những gợi ý và khuyến nghị chung về các báo cáo này.

Ủy ban sẽ chuyển cho các tổ chức chuyên môn, các quỹ và chương trình của Liên Hợp Quốc, cũng như các cơ quan có thẩm quyền khác, nếu thích hợp, báo cáo của các quốc gia thành viên để đưa ra đề nghị hoặc chỉ ra nhu cầu tư vấn hoặc hỗ trợ kỹ thuật nêu trong đó, cùng với những nhận xét và khuyến nghị của Ủy ban nếu có về những đề nghị hoặc dấu hiệu này.

Điều 37 – Hợp tác giữa các quốc gia thành viên và Ủy ban

1. Quốc gia thành viên sẽ hợp tác với Ủy ban và giúp đỡ các thành viên Ủy ban hoàn thành nhiệm vụ.

2. Trong quan hệ với các quốc gia thành viên, Ủy ban phải cân nhắc nghiêm túc về cách thức và phương tiện tăng cường năng lực quốc gia nhằm thi hành Công ước này, trong đó có thông qua hợp tác quốc tế.

Điều 38 – Quan hệ giữa Ủy ban với các cơ quan khác

Nhằm mục đích tạo thuận lợi cho việc thi hành Công ước này và khuyến khích hợp tác quốc tế trong lĩnh vực do Công ước điều chỉnh:

a. Các tổ chức chuyên môn và các cơ quan khác của Liên Hợp Quốc có quyền có đại diện xem xét việc thi hành những quy định của Công ước này nằm trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền của họ. Nếu thấy cần, Ủy ban có thể đề nghị các tổ chức chuyên môn và các cơ quan có thẩm quyền khác có vấn đề về việc thi hành Công ước này trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của họ. Ủy ban có thể đề nghị các tổ chức chuyên môn và các cơ quan khác của Liên Hợp Quốc báo cáo về việc thi hành Công ước này trong các lĩnh vực thuộc phạm vi hoạt động của họ;

b. Trong khi thực hiện nhiệm vụ, nếu cần, Ủy ban tham khảo các cơ quan thích hợp do các điều ước quốc tế về quyền con người thành lập, để hướng tới bảo

đảm tính thống nhất của các hướng dẫn lập báo cáo, gợi ý và khuyến nghị chung giữa các cơ quan, và tránh lặp lại và chồng lấn trong việc thực hiện chức năng.

Điều 39 – Báo cáo của Ủy ban

Ủy ban báo cáo Đại hội đồng và Hội đồng Kinh tế và xã hội hai năm một lần về hoạt động của mình, và có thể đưa ra gợi ý và khuyến nghị chung trên cơ sở xem xét các báo cáo và thông tin nhận được từ các quốc gia thành viên. Những gợi ý và khuyến nghị chung như vậy sẽ được đưa vào báo cáo của Ủy ban kèm theo nhận xét của các quốc gia thành viên nếu có.

Điều 40 – Hội nghị quốc gia thành viên

1. Các quốc gia thành viên họp thường kỳ tại Hội nghị quốc gia thành viên để xem xét mọi vấn đề liên quan đến việc thi hành Công ước này.

2. Muộn nhất 6 tháng kể từ ngày Công ước này có hiệu lực, Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ triệu tập Hội nghị quốc gia thành viên. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ triệu tập các kỳ họp tiếp theo hai năm một lần hoặc theo quyết định của Hội nghị quốc gia thành viên.

Điều 41 – Lưu chiểu

Tổng thư ký Liên Hợp Quốc được chỉ định là cơ quan lưu chiểu Công ước này.

Điều 42 – Ký

Công ước này đề ngỏ tại Trụ sở Liên Hợp Quốc ở Nữu Ước cho tất cả các quốc gia và tổ chức hội nhập khu vực ký từ ngày 30 tháng 3 năm 2007.

Điều 43 – Cam kết

Đối với các quốc gia đã ký, Công ước này phải được phê chuẩn và đối với các tổ chức hội nhập khu vực đã ký, Công ước này phải được chính thức khẳng định tham gia. Bất kỳ quốc gia hoặc tổ chức hội nhập khu vực nào chưa ký đều có thể gia nhập Công ước này.

Điều 44 – Các tổ chức hội nhập khu vực

1. “Tổ chức hội nhập khu vực” có nghĩa là một tổ chức do các quốc gia có chủ quyền trong một khu vực thành lập, được các quốc gia thành viên trao thẩm quyền đối với những vấn đề do Công ước này điều chỉnh. Trong văn kiện khẳng định chính thức tham gia hoặc văn kiện gia nhập Công ước của mình, các tổ chức này công bố phạm vi thẩm quyền của họ đối với những vấn đề do Công ước này điều chỉnh. Sau đó, các tổ chức này thông báo cho cơ quan lưu chiểu mọi sửa đổi đáng kể trong phạm vi thẩm quyền của mình.

2. Quy định về “quốc gia thành viên” trong Công ước này sẽ áp dụng cho các tổ chức nêu trên trong phạm vi thẩm quyền của các tổ chức đó.

3. Trong điều 45 khoản 1 và điều 47 khoản 2 và 3, không tính các văn kiện do các tổ chức hội nhập khu vực nộp lưu chiểu.

4. Đối với các vấn đề trong phạm vi thẩm quyền của mình, các tổ chức hội nhập khu vực có thể thực hiện quyền bỏ phiếu tại Hội nghị quốc gia thành viên, với số phiếu bằng số thành viên tổ chức đồng thời là thành viên Công ước này. Những tổ chức này sẽ không thực hiện quyền bỏ phiếu nếu bất kỳ quốc gia thành viên nào của tổ chức đó thực hiện quyền này và ngược lại.

Điều 45 – Hiệu lực

1. Công ước này có hiệu lực từ ngày thứ 30 sau ngày lưu chiểu văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập thứ 20.

2. Đối với quốc gia hoặc tổ chức hội nhập khu vực phê chuẩn, khẳng định hoặc gia nhập Công ước này sau ngày lưu chiểu văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập thứ 20, Công ước có hiệu lực từ ngày thứ 30 sau ngày lưu chiểu văn kiện phê chuẩn, gia nhập của quốc gia hoặc tổ chức hội nhập khu vực đó.

Điều 46 – Bảo lưu

1. Các bảo lưu trái với đối tượng và mục đích của Công ước này sẽ không được phép.

2. Có thể rút bảo lưu bất kỳ lúc nào.

Điều 47 – Sửa đổi

1. Bất kỳ quốc gia thành viên nào đều có quyền đề xuất sửa đổi Công ước này và đệ trình đề xuất đó lên Tổng thư ký Liên Hợp Quốc. Ngay sau đó, Tổng Thư ký sẽ thông báo những đề xuất sửa đổi cho các quốc gia thành viên, đồng thời đề nghị các quốc gia thành viên cho biết có tán thành hay không tán thành việc triệu tập một hội nghị các quốc gia thành viên để xem xét và biểu quyết về các đề xuất đó. Nếu trong vòng 4 tháng kể từ ngày thông báo có ít nhất một phần ba số quốc gia thành viên tán thành triệu tập một hội nghị như vậy thì Tổng Thư ký sẽ triệu tập một hội nghị này dưới sự bảo trợ của Liên Hợp Quốc. Bất kỳ sửa đổi nào được chấp nhận bởi ít nhất hai phần ba số quốc gia thành viên có mặt và biểu quyết tại hội nghị sẽ được đệ trình cho Đại hội đồng để thông qua và sau đó chuyển cho các quốc gia thành viên để phê duyệt.

2. Mọi sửa đổi bổ sung được thông qua theo khoản 1 của điều này sẽ có hiệu lực từ ngày thứ 30 sau ngày đạt được số văn kiện phê duyệt nộp lưu chiểu bằng hai phần ba số quốc gia thành viên tại thời điểm chấp thuận sửa đổi. Sau đó, đối với

mỗi quốc gia thành viên, sửa đổi đó có hiệu lực từ ngày thứ 30 sau ngày quốc gia đó nộp lưu chiểu văn kiện phê duyệt. Một sửa đổi chỉ ràng buộc những quốc gia đã chấp nhận nó.

Điều 48 – Rút khỏi Công ước

Quốc gia thành viên có thể tuyên bố rút khỏi Công ước này bằng một văn bản thông báo gửi đến Tổng thư ký Liên Hợp Quốc. Tuyên bố rút khỏi Công ước sẽ có hiệu lực sau một năm kể từ khi Tổng Thư ký nhận được thông báo.

Điều 49 – Dạng dễ tiếp cận

Văn bản Công ước này sẽ được thể hiện dưới các dạng dễ tiếp cận.

Điều 50 – Bản chính

Công ước này được làm bằng tiếng A-rập, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, và tiếng Tây Ban Nha, các văn bản đều có giá trị như nhau.

Để làm bằng, các đại diện có đủ thẩm quyền ký tên dưới đây được ủy quyền hợp lệ bởi Chính phủ quốc gia mình, đã ký vào văn bản Công ước này.